CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Thực phẩm Quốc tế

Ngày 31/12/2024	26,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-7.3%**	**-**

DT thuần
Q4/24
537
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 72.0| 15.4%
YoY: ▲ 9.00| 1.6%

LN thuần
Q4/24
31.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.6| -43.0%
YoY: ▼26.1| -45.5%

LN sau thuế
Q4/24
25.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.5| -40.9%
YoY: ▼18.3| -42.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
11.2%
YoY: +/-▼ 2.9%

ROE
2024
14.0%
YoY: +/-▼ 3.0%

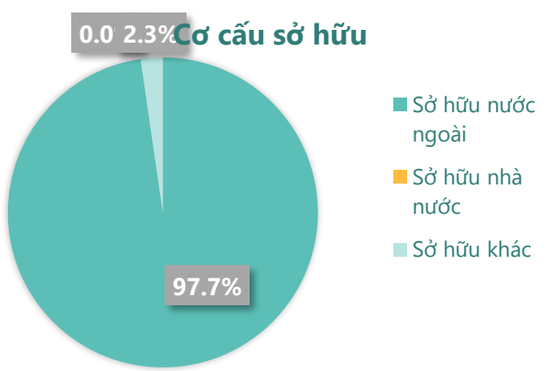
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	24,323 - 35,278
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,309
Số lượng CPLH (CP)	87,140,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,270
Sở hữu nước ngoài	97.7%
Beta	1.45
EPS	1,984
P/E	13.4

DT thuần
2024
1,973
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 105| 5.6%

LN thuần
2024
223
tỷ VNĐ
YoY: ▼42.0| -15.6%

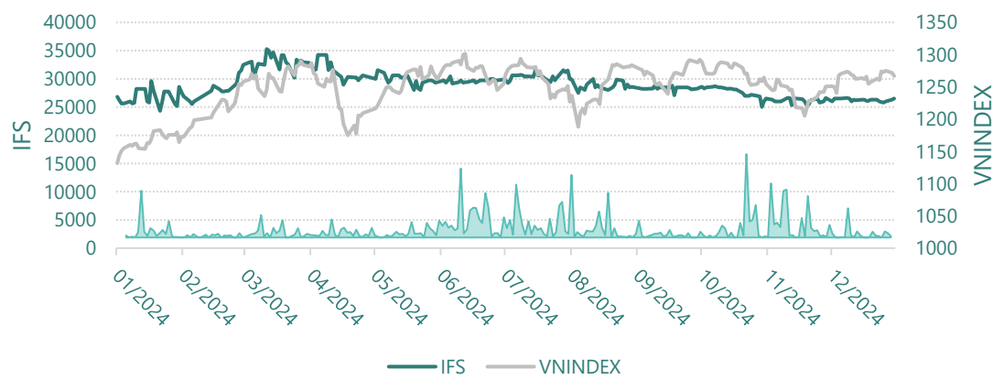
LN sau thuế
2024
173
tỷ VNĐ
YoY: ▼36.0| -17.1%

Cơ cấu sở hữu

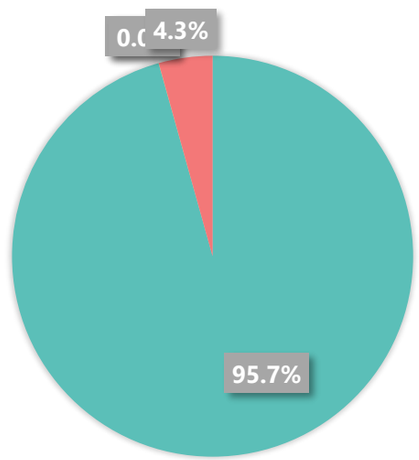


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



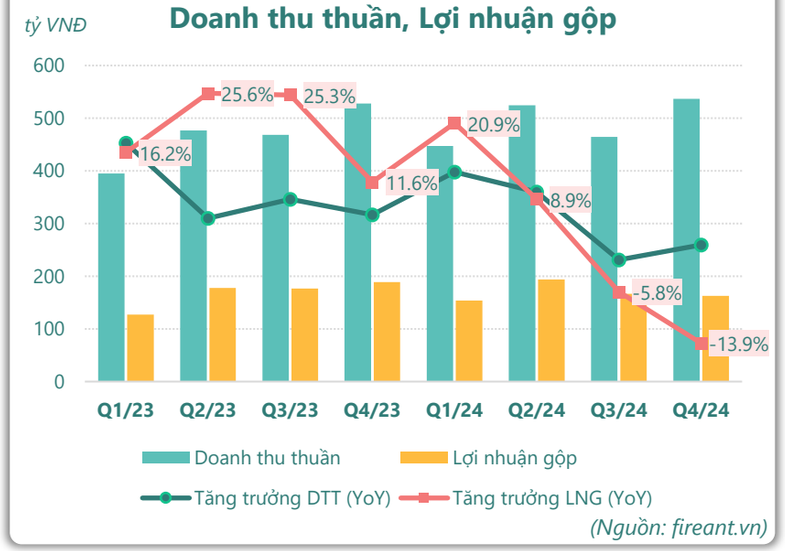
Cơ cấu cổ đông



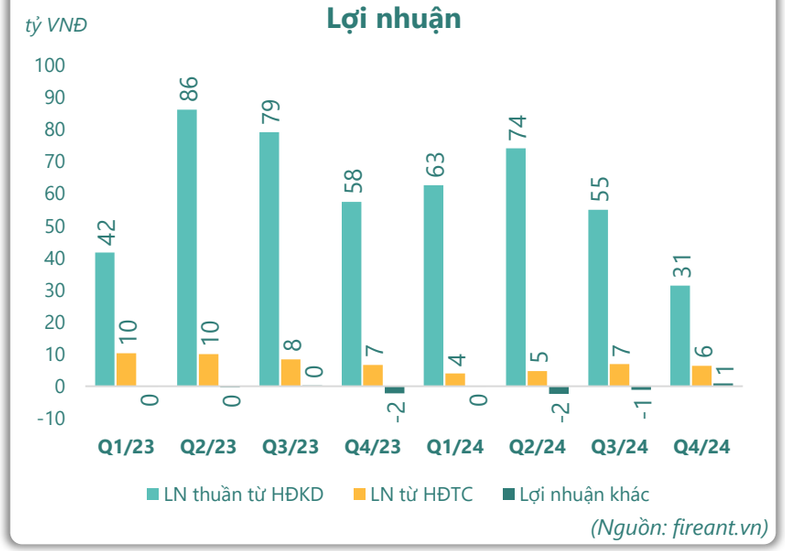


(Nguồn: fireant.vn)

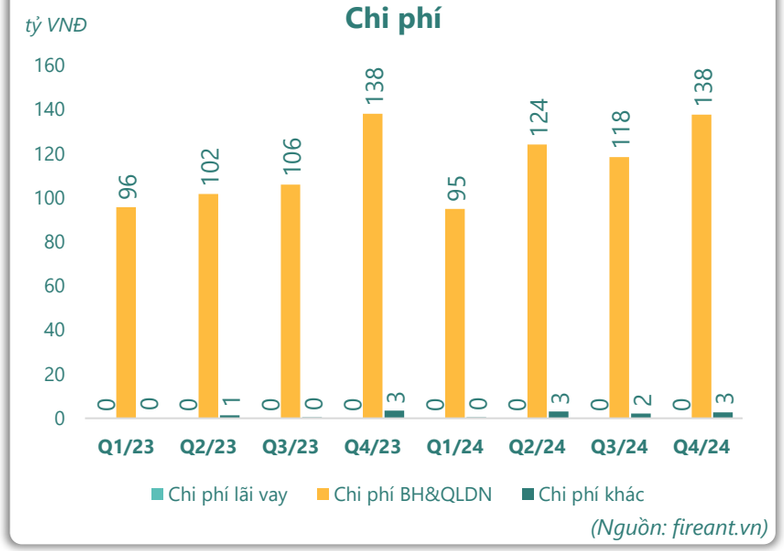
KẾT QUẢ KINH DOANH



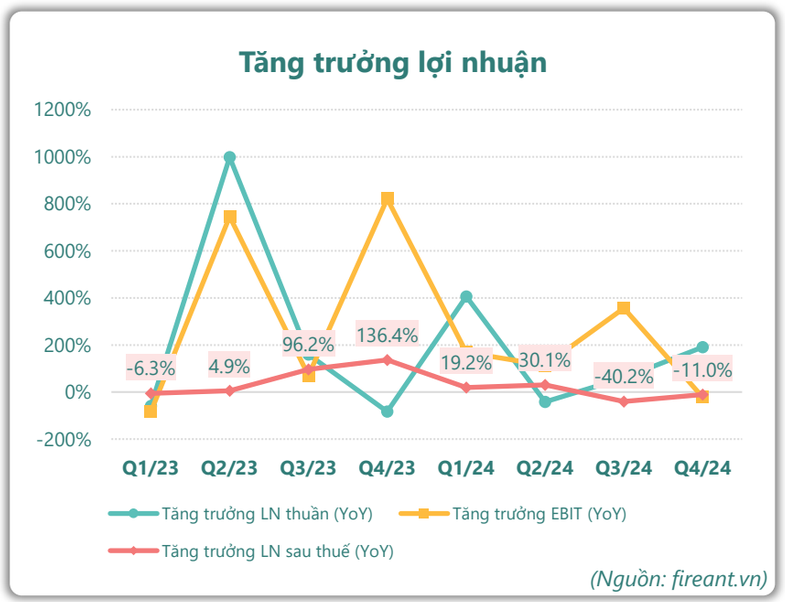
(Nguồn: fireant.vn)



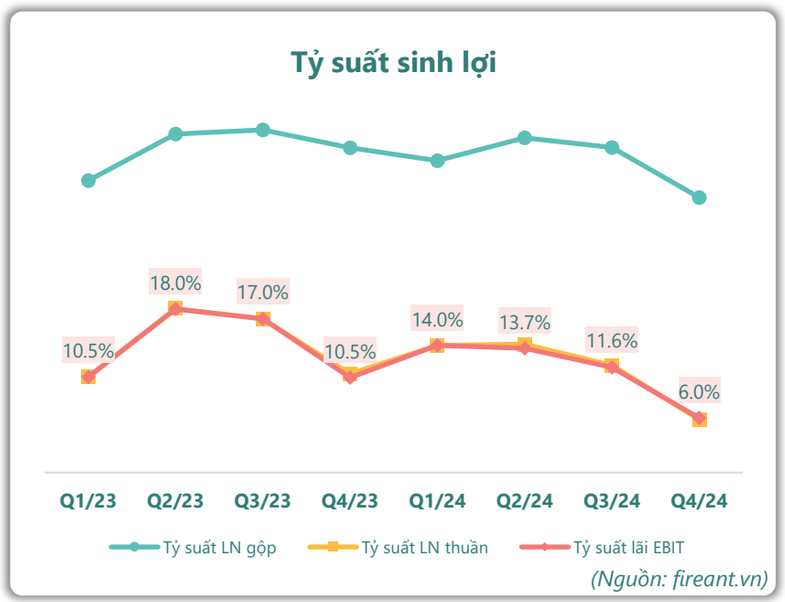
(Nguồn: fireant.vn)



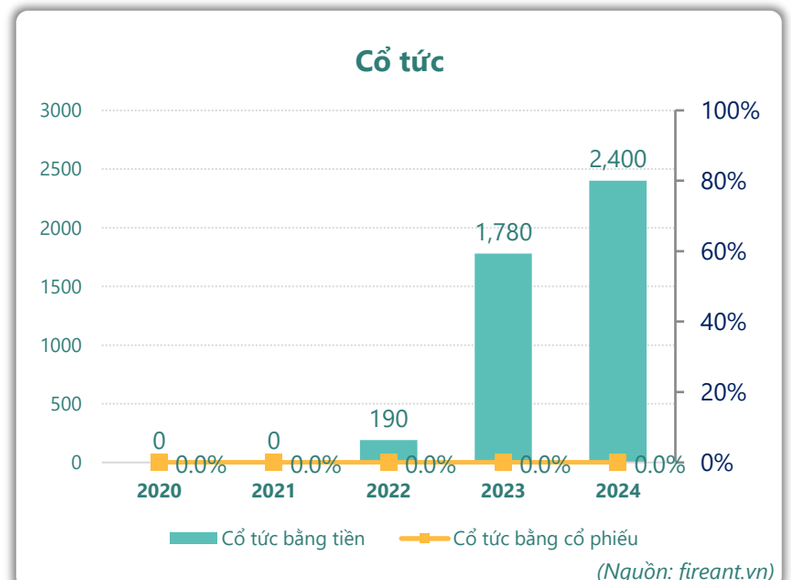
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



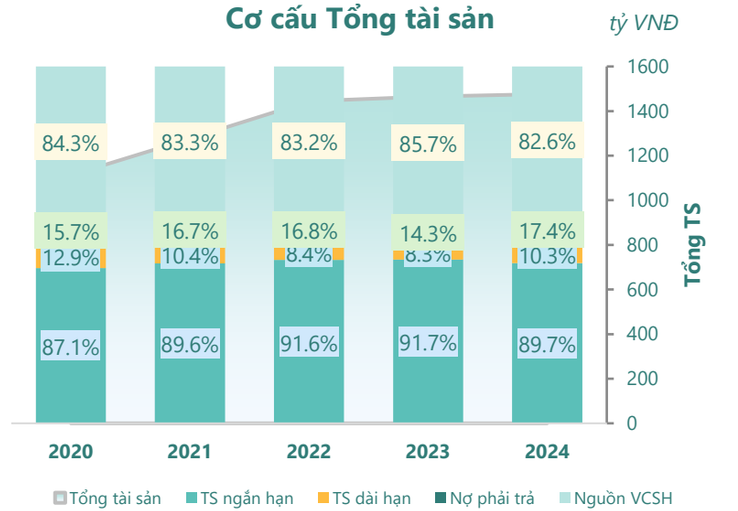
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

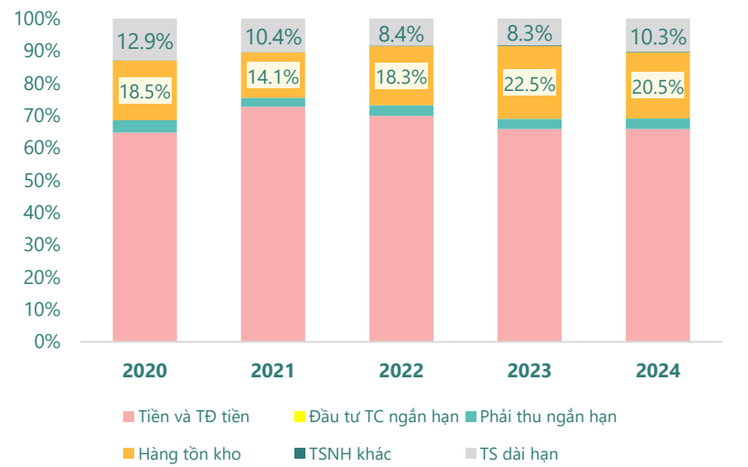
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



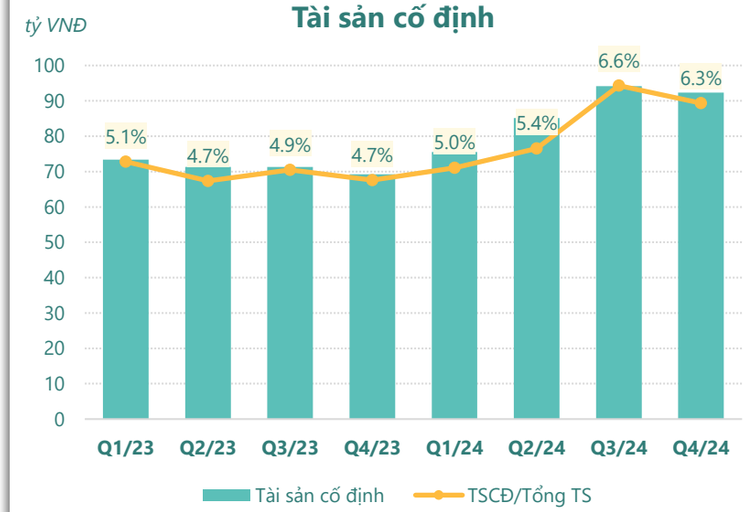
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



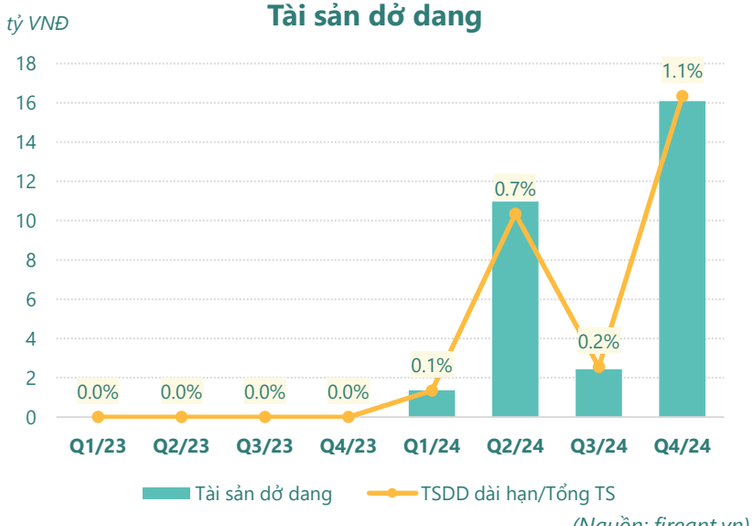
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



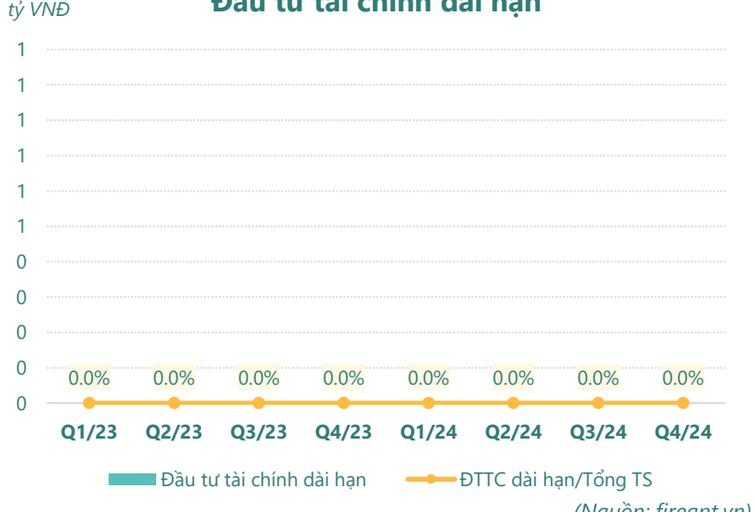
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



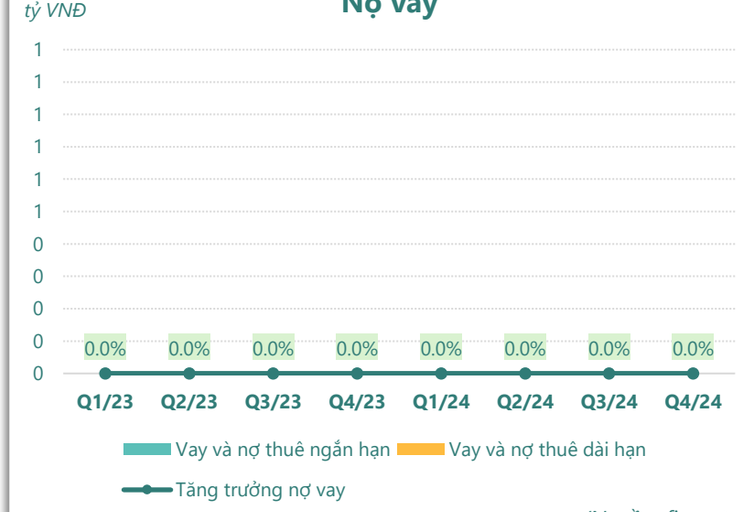
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

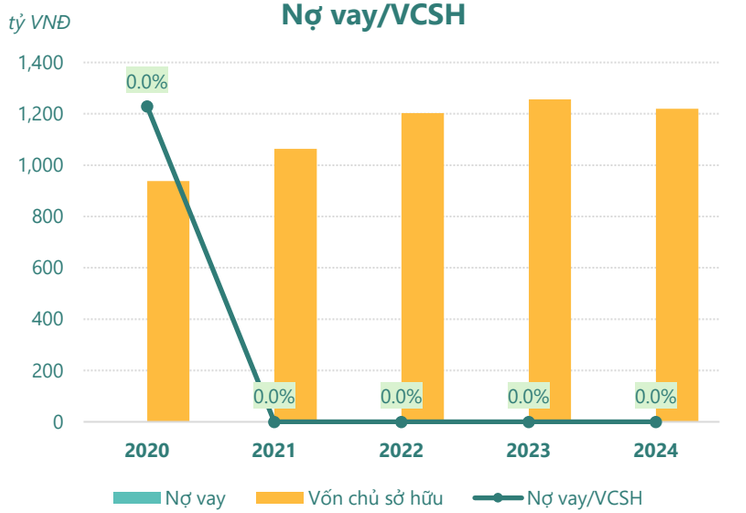
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

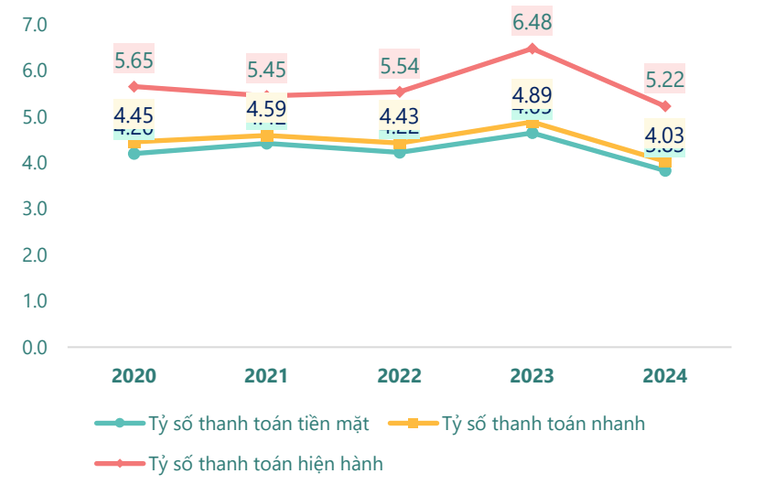
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



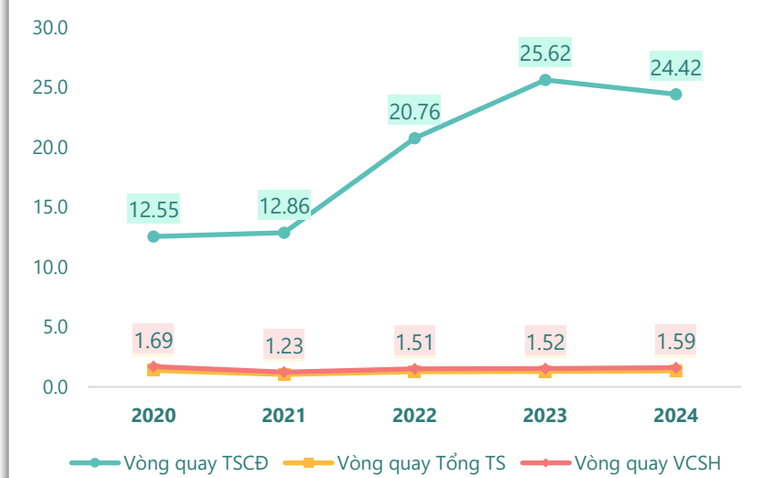
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



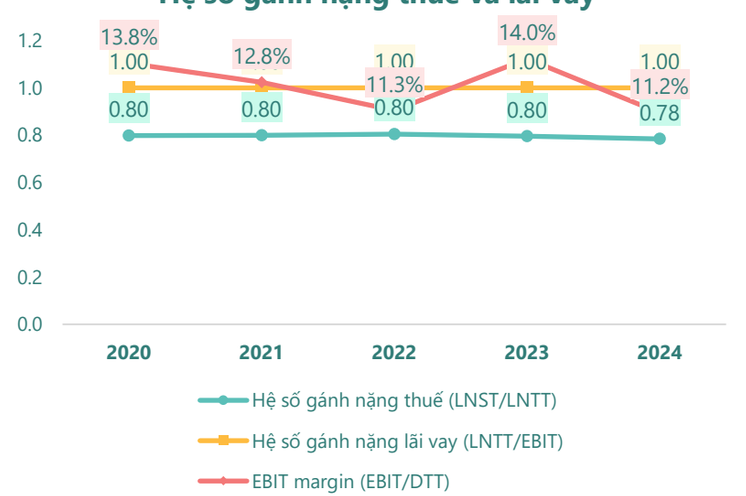
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



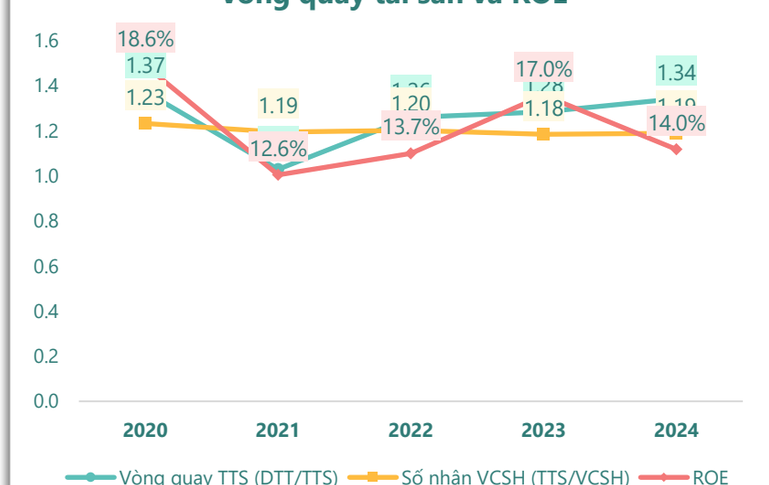
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



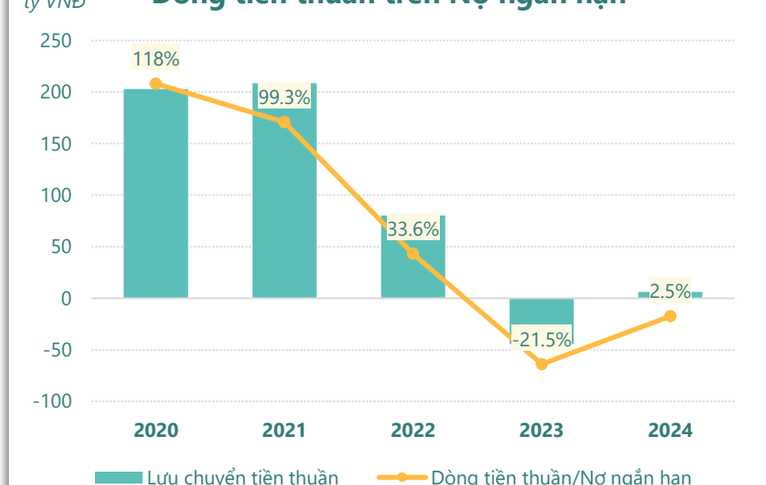
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**537**	**528**	**1.6%**	**1,973**	**1,868**	**5.6%**
Giá vốn hàng bán	374	339	10.3%	1,296	1,197	8.3%
Lợi nhuận gộp	163	189	-13.9%	677	671	0.9%
Doanh thu HĐTC	6.50	6.73	-3.4%	22.4	35.5	-37.0%
Chi phí TC	0.12	0.07	78.5%	0.49	0.22	126%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	125	124	1.0%	427	398	7.3%
Chi phí QLDN	**12.5**	**13.7**	**-9.1%**	**48.0**	**43.3**	**10.7%**
LN thuần từ HĐKD	31.4	57.5	-45.5%	223	265	-15.6%
Lợi nhuận khác	**0.86**	**-2.22**	**139%**	**-2.67**	**-2.40**	**-11.0%**
LN trước thuế	32.2	55.3	-41.7%	221	262	-15.9%
Lợi nhuận sau thuế	**25.2**	**43.5**	**-42.0%**	**173**	**209**	**-17.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**25.2**	**43.5**	**-42.0%**	**173**	**209**	**-17.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.7	14.9	117	85.5	-5.94	38.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.92	14.9	6.10	-20.6	3.64	-8.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-155	-0.12	0	0	-209	0.03
Tiền đầu kỳ	1,073	935	965	1,088	1,153	941
Lưu chuyển tiền thuần	**-138**	**29.7**	**123**	**65.0**	**-211**	**29.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.14	0	0	0	0.12
Tiền cuối kỳ	935	965	1,088	1,153	941	971

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,476**	**1,466**	**0.7%**
Tài sản ngắn hạn	1,325	1,345	-1.5%
Tiền và tương đương tiền	971	965	0.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	48.4	45.9	5.6%
Hàng tồn kho	303	330	-8.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.53	3.68	-31.3%
Tài sản dài hạn	**152**	**121**	**25.4%**
Phải thu dài hạn	0.93	0.93	0.0%
Tài sản cố định	92.4	69.2	33.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.1	10.1	59.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**42.4**	**40.7**	**4.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	257	210	22.4%
Nợ ngắn hạn	**254**	**208**	**22.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	148	111	33.7%
Nợ dài hạn	3.39	2.32	45.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,219**	**1,256**	**-2.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,219**	**1,256**	**-2.9%**
Vốn điều lệ	871	871	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)